

Số: /2025/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 6743/TTr-STC ngày 24/9/2025, ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo số 2611/BC-STP ngày 16/9/2025;

Thực hiện kết luận của UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 09/10//2025 (Thông báo số 546/TB-UBND ngày 09/10/2025); kết luận của Ban Thường vụ Đảng ủy UBND tỉnh tại cuộc họp ngày 09/10/2025 (Thông báo số 14-TB/ĐU ngày 09/10/2025);

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; quy định tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Hà Tĩnh theo quy định tại khoản 3 Điều 10, khoản 3 Điều 20, khoản 2 Điều 43, khoản 4 Điều 47, khoản 3 Điều 97 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.
2. Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao chủ trì quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau đây gọi là đơn vị chủ trì quản lý tài sản).
3. Cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công.
4. Các tổ chức, cá nhân khác liên quan.

Điều 3. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh ra quyết định tịch thu

1. Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.
2. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do cơ quan, tổ chức, đơn vị khác (không thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này) trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu.
3. Ngoài nội dung phân cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều này, việc quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức giao, điều chuyển thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Điều 4. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án bị tịch thu và đã có quyết định thi hành án của cơ quan có thẩm quyền

1. Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do Sở Tài chính là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định phê duyệt phương án xử lý (trừ trường hợp phê duyệt phương án xử lý theo hình thức giao, điều chuyển) đối với tài sản do cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường là đơn vị chủ trì quản lý tài sản.

3. Ngoài nội dung phân cấp tại khoản 1, khoản 2 Điều này, việc quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản theo hình thức giao, điều chuyển thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Điều 5. Phân cấp thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương (trừ trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP)

1. Trường hợp khi chuyển giao đã xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản:

Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (đơn vị dự toán cấp I), Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

2. Trường hợp khi chuyển giao không xác định cụ thể cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận, quản lý, sử dụng tài sản:

a) Sở Tài chính quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương cấp tỉnh.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương cấp xã.

Điều 6. Phân cấp thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản đối với tài sản do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam thông qua chính quyền địa phương

1. Cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Điều 5 Quyết định này là cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản.

2. Đối với trường hợp không phải làm thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản quy định tại khoản 9 Điều 4 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: thẩm quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được áp dụng theo thẩm

quyền quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân của từng tài sản quy định tại Điều 5 Quyết định này.

Điều 7. Tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu trên số tiền thu được từ xử lý tài sản

Tỷ lệ (mức) khoán chi phí quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu cho đơn vị chủ trì quản lý tài sản là 35% số tiền thu được từ xử lý tài sản. Đơn vị chủ trì quản lý tài sản được chủ động sử dụng chi phí được khoán để chi cho các nội dung theo quy định, trường hợp không sử dụng hết kinh phí khoán thì phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 3 Điều 97 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Điều 8. Tổ chức thực hiện

1. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định và phân cấp tại Quyết định này có trách nhiệm:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp đảm bảo đúng quy định; chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý tổ chức thực hiện; sắp xếp, bố trí nhân lực và các điều kiện phù hợp để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp.

b) Theo chức năng, nhiệm vụ thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành và xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý đối với các hành vi vi phạm trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm người đứng đầu, tập thể, cá nhân trong trường hợp cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán phát hiện có vi phạm trong quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, quy định tại Quyết định này và quy định pháp luật có liên quan.

c) Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm (hoặc đột xuất theo yêu cầu hoặc khi phát sinh khó khăn, vướng mắc), báo cáo, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp và kiến nghị, đề xuất (nếu có) gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định và phân cấp tại Quyết định này để thực hiện quản lý, xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo đúng quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Nghị định số 77/2025/NĐ-CP, quy định tại Quyết định này, quy định pháp luật có liên quan.

3. Sở Tài chính:

a) Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định tại Quyết định này.

b) Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm (hoặc đột xuất theo yêu cầu hoặc khi phát sinh khó khăn, vướng mắc), tổng hợp, đánh giá việc thực hiện Quyết định này, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Điều khoản chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 104 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ.
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo quy định tương ứng tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 9;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- TTr Tỉnh ủy, TTr HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các Phó CVP UBND tỉnh;
- Đảng ủy, TTr HĐND các xã, phường;
- Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, TH₅.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Báu Hà